

Số: /2020/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2020

Dự thảo lần 1

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp; mức vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính

sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhận ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này

3. Chính sách hỗ trợ tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh đáp ứng điều kiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ một phần lãi suất vay thương mại sau khi dự án đầu tư hoàn thành. Cụ thể:

a) Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

- Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay và các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

- Mức lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước được công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, cụ thể đối với từng dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

d) Phương thức hỗ trợ

- Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

- Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

e) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án đầu tư được các tổ chức tín dụng thẩm định và ký hợp đồng;

- Có thỏa thuận/hợp đồng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị được chính quyền địa phương xác nhận đối với dự án có hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị.

4. Nguồn vốn và cơ chế thực hiện

a) Ngân sách trung ương: Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018.

b) Ngân sách địa phương: Hàng năm, ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% ngân sách địa phương chi cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách này, được giao thành Mục “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”, nếu trong năm chi chưa hết chuyển sang những năm sau để thực hiện.

Trong đó, ngân sách địa phương chi hàng năm cho ngành nông nghiệp bao gồm: Khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý và chi thường xuyên cho sự nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, xây dựng nông thôn mới và các hoạt động phát triển nông thôn khác. Cụ thể:

- Nguồn chi thường xuyên hàng năm và 05 năm ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ lãi suất vay thương mại, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường theo Điều 8 và Điều 10 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm và 05 năm ngân sách hỗ trợ các nội dung còn lại theo quy định tại Điều 9, 11, 12, 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, bao gồm: hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt; hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

c) Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn của từng giai đoạn và hằng năm, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình HĐND tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP hằng năm và 05 năm của tỉnh.

5. Cơ chế hỗ trợ

Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Riêng đối với chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng theo quy định tại điểm 3 Nghị quyết này được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

6. Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ

Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 16 và 17 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa, kỳ họp thứ mười thông qua ngày .../.../2020, có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu;
- Bộ Tư pháp - Cục KTVBQPPL;
- Bộ: KHĐT, NNPTNT, TC;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBNDTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk; Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH